

UBND TỈNH KON TUM
VĂN PHÒNG

Số **1431**VP-NNTN
Về việc triển khai Công văn
số 619/UBND-CSĐT ngày 08
tháng 6 năm 2018 của
Ủy ban Dân tộc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày **18** tháng 6 năm 2018

Kính gửi:

- Ban Dân tộc tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện Văn bản số 619/UBND-CSĐT ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban Dân tộc về việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết TW 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (*sao gửi văn bản kèm theo*), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Ban Dân tộc tỉnh căn cứ Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông thôn, nông dân của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và lồng ghép nội dung báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc theo hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc tại văn bản nêu trên, hoàn thành và trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày **25 tháng 6 năm 2018** để báo cáo Ủy ban Dân tộc.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo để các đơn vị phối hợp triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, PVP UBND tỉnh (NN);
- VT, NN5.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Đặng Quang Hà

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **619/UBND-CSĐT**

V/v tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết
TW 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân,
nông thôn

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2018



Kính gửi: UBND tỉnh Kon Tum

Thực hiện nhiệm vụ theo Công văn số 10-CV/BCĐ ngày 22/3/2018 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Để xây dựng kế hoạch tổng kết và có cơ sở tổng hợp xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện những nhiệm vụ được giao theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X, Ủy ban Dân tộc đề nghị UBND tỉnh tổng hợp xây dựng Báo cáo thực hiện Nghị quyết 26-NQ-TW của Trung ương và Nghị quyết 24-NQ/CP của Chính phủ trên cơ sở tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc với các nội dung sau:

1. Tình hình chung về kinh tế - xã hội, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.

2. Tình hình thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2018 theo Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 4/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược đến năm 2020; Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số gắn với Mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015.

3. Sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững gắn với thực hiện các chính sách dân tộc, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực tế triển khai thực hiện tại địa phương:

- Tình hình chung về thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo giai đoạn 2010 – 2020 theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.

- Chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn (Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg ngày 09 tháng 06 năm 2008, Quyết định số 1592/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2009; Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013).

- Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số: Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 về Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007 – 2010; Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009 Phê duyệt kế hoạch định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số du canh, du cư đến năm 2012; Quyết định 1776/QĐ-TTg về Chương trình bố trí dân cư đến năm 2020.

- Chương trình 135: Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng; Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; Dự án nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn. Trong đó tập trung đánh giá:

+ Các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, mô hình liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, cộng đồng với doanh nghiệp, mô hình giảm nghèo gắn với an ninh quốc phòng; ưu tiên nhân rộng các mô hình giảm nghèo liên quan đến sinh kế phù hợp với từng vùng, nhóm dân cư.

+ Tình hình thực hiện tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn về Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 – 2020 theo Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ; các mô hình tạo việc làm công thông qua thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng quy mô nhỏ ở thôn, bản để tăng thu nhập cho người dân; mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp, tạo việc làm cho người nghèo gắn với trồng và bảo vệ rừng; mô hình giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. Thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về đào tạo nguồn nhân lực nông thôn: Thực hiện Nghị quyết số 52/NQCP ngày 15/6/2016 về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2016-2020; Chính sách “Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới” theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Tình hình thực hiện Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 – 2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định 2086/QĐ-

TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016 – 2025.

- Kết quả thực hiện Quyết định 1672/QĐ-TTg ngày 26/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Phát triển kinh tế - xã hội vùng các dân tộc Mảng, La Hù, Cống, Cờ Lao" (đối với 3 tỉnh Hà Giang, Lai Châu và Điện Biên).

- Chính sách về y tế, dân số và kết quả thực hiện Quyết định 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2025", Quyết định 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án "Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng DTTS giai đoạn 2018 - 2025".

- Chính sách về giáo dục - đào tạo: hỗ trợ học sinh nghèo vùng dân tộc thiểu số ở các cấp học; trường dân tộc nội trú, bán trú, dạy nghề; chính sách cử tuyển, đào tạo dạy nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số. Đề án "Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2021" Quyết định 1163/QĐ-TTg ngày 08/8/2017.

- Thực hiện Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và Chính sách cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng DTTS và MN vùng ĐBKK. (Quyết định số 2561/QĐ-TTg ngày 31/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07/10/2013; Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018.

- Kết quả thực hiện các phong trào thi đua của Hội Nông dân trên địa bàn tỉnh trong thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Kết quả xây dựng đời sống văn hóa, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số, các cơ chế chính sách khuyến khích, phát huy các nguồn lực, thế mạnh của vùng đồng bào dân tộc thiểu số để phát triển du lịch. Thực hiện Quyết định 1860/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án Thí điểm cấp ra-đi-ô cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 14/11/ 2013 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

6. Thực hiện quy hoạch xây dựng phát triển các khu kinh tế quốc phòng trên đất liền và trên biển tại địa phương (nếu có) theo Quyết định số 02/1998/QĐ-TTg của Chính phủ Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Bắc giai đoạn từ nay đến năm 2010 (Phê duyệt Quy hoạch tổng

thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Bắc đến năm 2010 gồm 13 tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Bắc Ninh, Quảng Ninh).

Đề có cơ sở xây dựng kế hoạch tổng kết và tổng hợp xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X (Nghị quyết 26-NQ-TW của Trung ương và Nghị quyết 24-NQ/CP của Chính phủ), Ủy ban Dân tộc đề nghị các tỉnh, thành phố xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác dân tộc, các chính sách dân tộc, khó khăn vướng mắc và đề xuất kiến nghị (số liệu báo cáo từ năm 2008 đến tháng 6 năm 2018, theo mẫu biểu đính kèm) gửi về Ủy ban Dân tộc (qua Vụ Chính sách Dân tộc trước ngày 30/6/2018, địa chỉ email: vuchinhsachdantoc@cema.gov.vn)./.hđ

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để b/c);
- Công TTĐT UBĐT;
- Ban Dân tộc các tỉnh;
- Lưu: VT, CSDT (05b). 109

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



Nông Quốc Tuấn

Ủy ban nhân dân tỉnh/ Thành phố:.....

Biểu 2: Cơ sở hạ tầng nông thôn vùng DTTS&MN

TT	Nội dung	số lượng năm 2008	Số lượng năm 2017
	Hệ thống Y tế		
1	Số xã có trạm y tế		
2	Số bác sỹ		
3	Số bác sỹ trên 10.000 dân		

Ủy ban nhân dân tỉnh/ Thành phố:.....

(Phụ biểu 2b): Y tế đồng bào DTTS

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	giai đoạn 2008-2012		giai đoạn 2013 - 2018		So sánh 2017-2008	Dự kiến năm 2020
			2008	2012	2013	2017		
1	Tỷ lệ tử vong trẻ dưới 1 tuổi	Ê						
2	Tỷ lệ tử vong trẻ dưới 5 tuổi	Ê						
3	Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi	%						
4	Số giường bệnh/10.000 dân	giường						
	Trong đó giường bệnh không tính trạm y tế xã	giường						
5	Số bác sỹ/10.000 dân	bác sỹ						
6	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ	%						
7	Tỷ lệ chết mẹ/100.000 trẻ đẻ sống	1/100.000						

(Biểu 3)

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 7 KHÓA X**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2018 của UBND ...)

TT	Trích yếu nội dung chủ yếu của văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Nội dung chủ yếu

(Biểu 4)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỐN HÀNG NĂM THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2018 của UBND ...)

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH	NHU CẦU VỐN GIAI ĐOẠN 2018 -2020			KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2018			KINH PHÍ ĐÃ CẤP NĂM 2018			KINH PHÍ CÒN THIẾU NĂM 2018			Ghi chú thêm phần phân kinh phí năm 2018
		TỔNG SỐ	Nguồn vốn ĐTPT	Nguồn vốn SN	TỔNG SỐ	Nguồn vốn ĐTPT	Nguồn vốn SN	TỔNG SỐ	Nguồn vốn ĐTPT	Nguồn vốn SN	TỔNG SỐ	Nguồn vốn ĐTPT	Nguồn vốn SN	
TỔNG CỘNG														
1	Chương trình 135 về Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, hỗ trợ nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu và thôn bản đặc biệt khó khăn (dự án 2 Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020).													

Ghi chú: Tổng hợp kết quả vốn của từng chính sách, từng giai đoạn, từ năm 2008 đến 2018.

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....

Biểu số 5

BIỂU TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG VỐN TÍN DỤNG ƯU ĐÃI THỰC HIỆN CSĐT

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2018 của UBND ...)

Đơn vị tính : triệu đồng

STT	TÊN HUYỆN	NHU CẦU SỬ DỤNG VỐN								GHI CHÚ
		Hộ thiếu đất sản xuất đã vay vốn tạo quỹ đất		Hộ thiếu đất sản xuất đã vay vốn chuyển đổi nghề		Hộ DTTS nghèo xã khu vực III, đã vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh		Tổng nhu cầu vốn vay		
		Số hộ	Kinh phí	Số hộ	Kinh phí	Số hộ	Kinh phí	Số hộ	Kinh phí	
1	2	3	4	5	6	7	8	9=3+5+7	10=4+6+8	11
1										
2										
3										
4										
5										
6										
7										
8										
Tổng cộng										

....., ngày tháng năm 2018
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ
(Ký và ghi rõ họ tên)